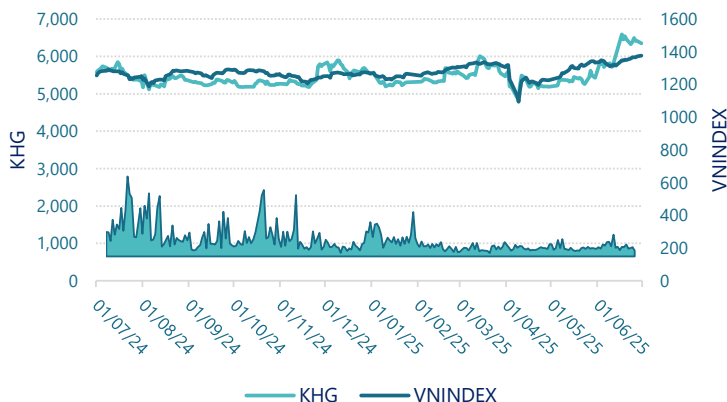




CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (HSX: KHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,590
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
SL cổ phiếu LH	449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,301,530
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,854
P/E	45.2
EPS	140

DT thuần

Q2/25

146

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.0 | 46.4%

YoY: ▲ 55.8 | 62.3%

LN sau thuế

Q2/25

20.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.10 | 33.1%

YoY: ▲ 4.00 | 24.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

40.3%

+/- YoY: ▼ 16.6%

DT thuần

6T 2025

247

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 120 | 94.4%

LN sau thuế

6T 2025

35.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.40 | 21.8%

ROE

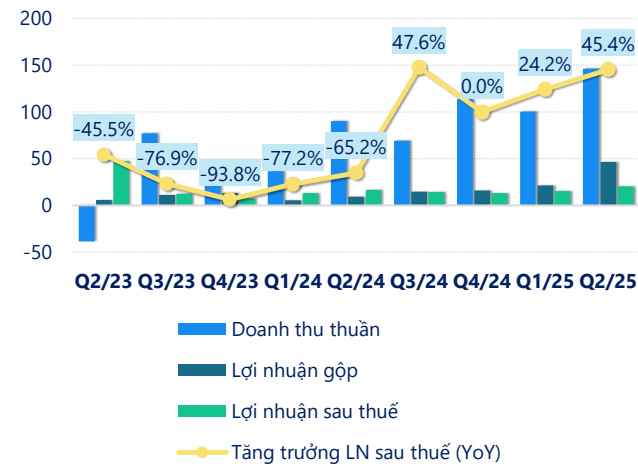
Q2/25

1.2%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

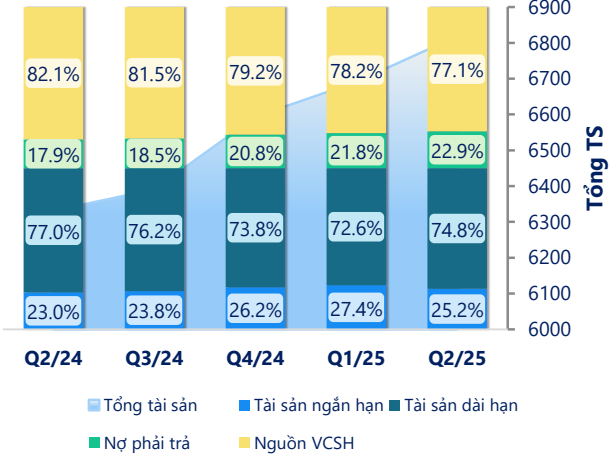
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

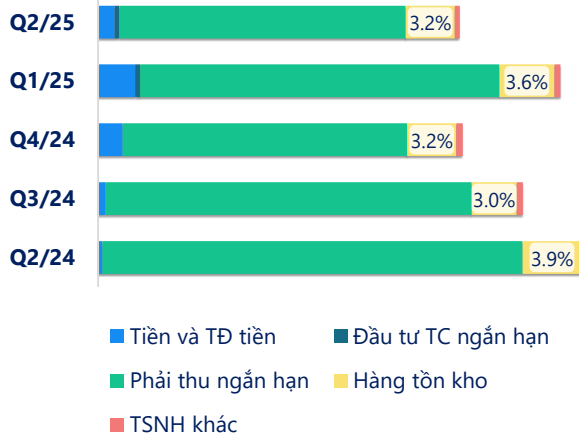
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



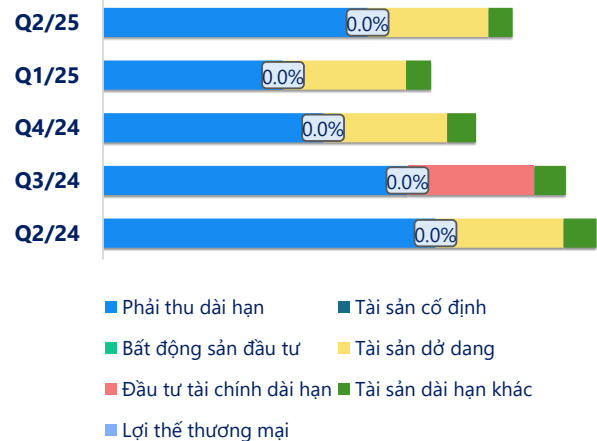
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

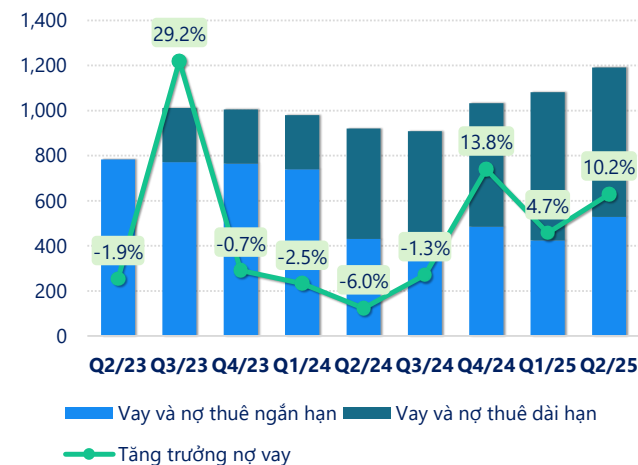
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

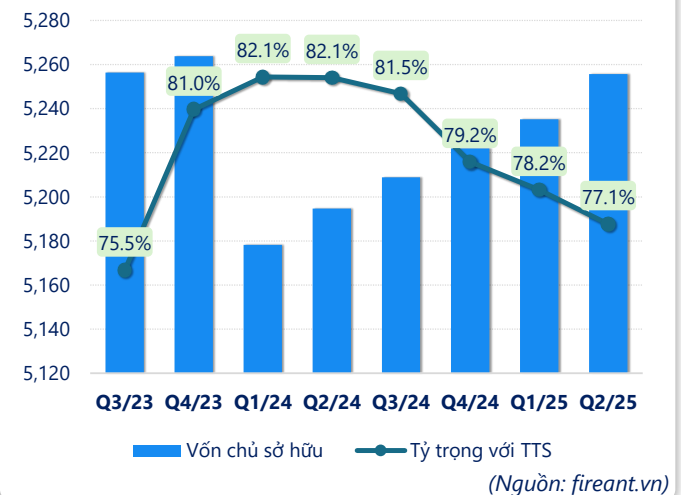
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

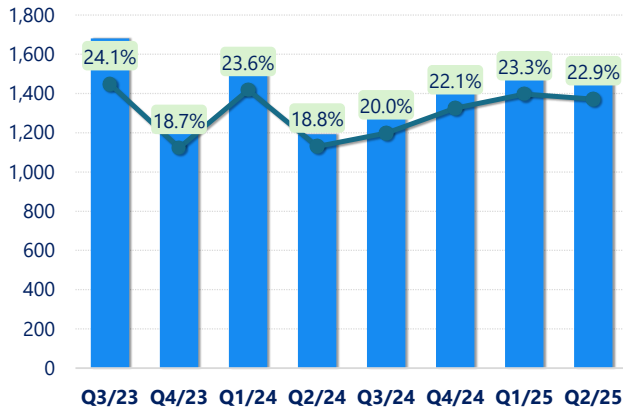
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



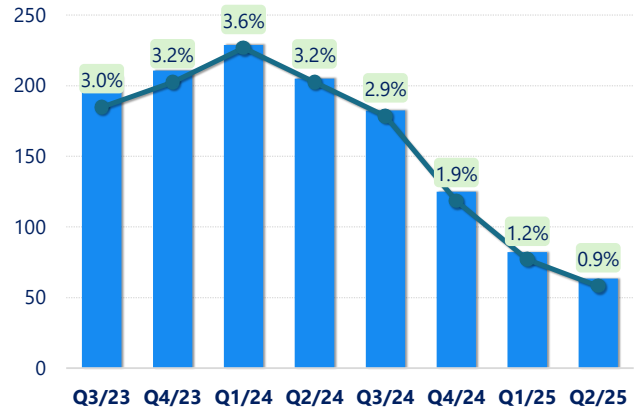
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


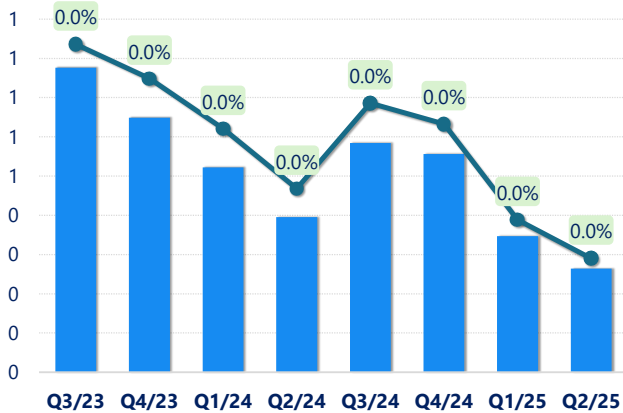
Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


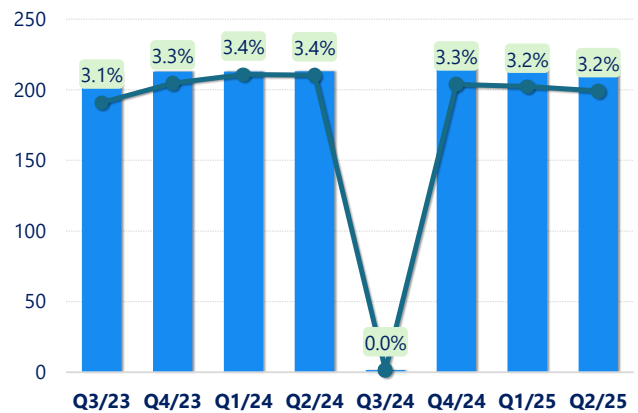
Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

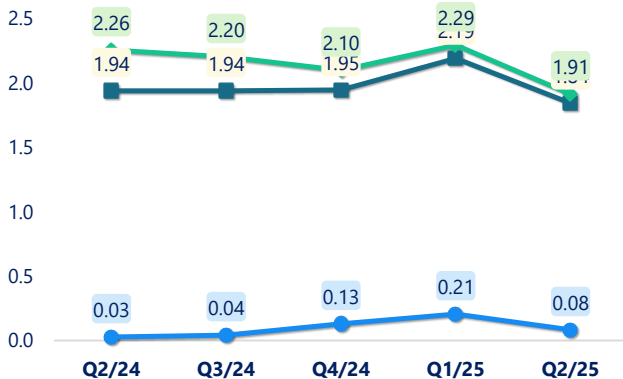
Tài sản cố định


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

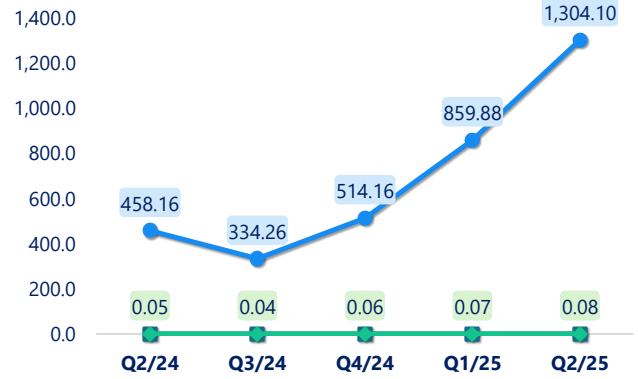
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh Tỷ số thanh toán hiện hành
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS Vòng quay VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	6,331	6,391	6,594	6,691	6,819
Tài sản ngắn hạn	1,456	1,522	1,726	1,831	1,719
Tiền và tương đương tiền	17.6	29.4	107	164	74.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	20.0	21.1	21.1	21.1
Phải thu ngắn hạn	1,193	1,276	1,457	1,558	1,559
Hàng tồn kho	205	182	125	82.2	63.3
Tài sản ngắn hạn khác	21.1	14.6	16.4	5.81	1.85
Tài sản dài hạn	4,875	4,869	4,868	4,860	5,099
Phải thu dài hạn	4,606	4,602	4,602	4,599	4,839
Tài sản cố định	0.40	0.58	0.56	0.35	0.26
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	213	1.52	215	217	217
Đầu tư tài chính dài hạn	0	212	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	55.3	52.7	50.3	44.4	43.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,136	1,182	1,372	1,456	1,563
Nợ ngắn hạn	646	691	823	798	899
Vay và nợ thuê ngắn hạn	430	418	485	424	528
Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	15.8	22.1	19.6	7.86
Nợ dài hạn	491	491	549	657	664
Vay và nợ thuê dài hạn	490	490	548	657	664
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,195	5,209	5,222	5,235	5,256
Vốn chủ sở hữu	5,195	5,209	5,222	5,235	5,256
Vốn điều lệ	4,494	4,494	4,494	4,494	4,494
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)